

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN  
Số: 38 /2020/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh về Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ tháng 10 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 614/TTr-STNMT ngày 16/10/2020, Báo cáo số 701/BC-STNMT ngày 15/10/2020).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tư Pháp; Giám đốc Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Phú Yên, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;
- Ngân hàng Nhà nước CN Phú Yên;
- CT và PCP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, To, Nh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo





## QUY CHẾ

### Tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng

### Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020  
của UBND tỉnh)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: Tên gọi, trụ sở, địa vị pháp lý, chức năng, mục đích và nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động của Quỹ, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán.

2. Quy chế này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với tổ chức và hoạt động của Quỹ.

#### Điều 2. Tên gọi, trụ sở, địa vị pháp lý, chức năng

##### 1. Tên gọi

Tên Tiếng Việt: Quỹ Bảo vệ môi trường Phú Yên.

Tên Tiếng Anh: Phu Yen Enviroment Protection Fund (viết tắt là PYEPF).

2. Trụ sở hoạt động: Đặt tại số 62A Lê Duẩn, Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Địa vị pháp lý: Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc UBND tỉnh có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

4. Chức năng: Quỹ có chức năng tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước; tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường; các khoản hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu không nằm trong kế hoạch ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

#### Điều 3. Mục đích và nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của Quỹ nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.



2. Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn và phát triển nguồn vốn điều lệ.

3. Quỹ có nghĩa vụ phải bảo toàn và phát triển vốn điều lệ, quản lý và sử dụng vốn theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành, tự bù đắp chi phí quản lý.

4. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 4. Nhiệm vụ**

1. Tiếp nhận, xác nhận số tiền đã ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật. Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ký quỹ đúng hạn và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

2. Tiếp nhận các loại hình ký quỹ khác nhằm mục đích bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn tỉnh. Hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền khác về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn.

4. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn tỉnh.

5. Hỗ trợ, tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động: Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra; các hoạt động phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về quản lý, khai thác tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng vốn hỗ trợ đầu tư từ Quỹ theo các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ.

7. Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.



8. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

9. Trình UBND tỉnh quyết định các nội dung và hình thức hỗ trợ phát sinh trong quá trình hoạt động.

10. Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh phân công.

### **Điều 5. Quyền hạn**

1. Tổ chức Cơ quan điều hành và các đơn vị nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Quy chế tổ chức hoạt động của Quỹ và mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt.

3. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các đơn vị sử dụng nguồn vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu. Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ hoặc hỗ trợ lãi suất vay đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; khởi kiện các chủ đầu tư vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Sử dụng vốn nhân rồi của Quỹ để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải bảo đảm an toàn và đúng quy định của pháp luật.

5. Từ chối mọi yêu cầu của bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật Việt Nam và Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên. Trong trường hợp tổ chức và cá nhân nước ngoài căn cứ pháp luật quốc tế để yêu cầu thì chỉ được cung cấp thông tin khi có ý kiến chính thức của UBND tỉnh.

6. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Được mời các chuyên gia trong và ngoài tỉnh tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin vay vốn, tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động liên quan khác của Quỹ.

8. Thực hiện và tiếp nhận các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường năng lực cho Quỹ.

9. Được cử người làm việc của Quỹ đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh.



### Chương III

## NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### Điều 6. Nguồn vốn

Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp là 5 (năm) tỷ đồng. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Tài chính.

2. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác, bao gồm:

a) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư, viện trợ, ODA của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Các nguồn vốn bổ sung khác theo sự cho phép của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

3. Các nguồn thu:

a) Các khoản lãi suất từ nguồn ngân sách cấp bổ sung nhận rồi gửi tại tổ chức tín dụng (bao gồm các khoản cấp bổ sung quy định tại khoản 2 của Điều 6 này).

b) Lãi do thực hiện hoạt động cho vay.

c) Nguồn bổ sung từ chênh lệch thu chi tài chính dương hàng năm của Quỹ.

### Điều 7. Đối tượng được hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính của Quỹ là các tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư hoặc phương án đề nghị tài trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; dự án đầu tư thực hiện việc phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường hoặc giải quyết các vấn đề môi trường có phạm vi ảnh hưởng lớn, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng phương thức hỗ trợ quy định tại Quy chế này.

### Điều 8. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường phù hợp với quy định.

Hàng năm, căn cứ vào khả năng nguồn vốn của Quỹ dùng cho hoạt động cho vay, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định danh mục cho vay vốn đối với từng nhóm đối tượng và chương trình, dự án.



2. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả và có lãi. Các đối tượng vay vốn phải đảm bảo các yêu cầu:

- a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng.
- b) Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

3. Mức vốn cho vay và thẩm quyền quyết định mức cho vay:

a) Mức vốn cho vay của một dự án không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án và không vượt quá 5% vốn điều lệ thực có của Quỹ.

b) Thẩm quyền quyết định cho vay:

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với dự án có khoản vay giá trị trên 500 triệu đồng.

- Giám đốc điều hành Quỹ quyết định cho vay đối với các khoản vay có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống.

4. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ; điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá 05 (năm) năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Lãi suất cho vay của Quỹ là lãi suất ưu đãi với lãi suất tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất cho vay thông thường bình quân của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh công bố cùng thời kỳ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ và cho từng nhóm đối tượng.

6. Bảo đảm tiền vay:

a) Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với từng dự án đầu tư do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

7. Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay:

a) Hằng năm Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay.

b) Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ được xác định theo từng thời kỳ theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro hàng năm.

d) Nguồn trích lập quỹ dự phòng rủi ro: Từ các khoản thu nhập của Quỹ quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.



đ) Trường hợp đặc biệt khi nguồn thu không đủ để trích lập quỹ dự phòng rủi ro, Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định sử dụng các nguồn khác trừ các khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, các khoản ký quỹ khác của tổ chức, cá nhân.

#### 8. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Khoản kinh phí dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp cho các khoản cho vay không có khả năng thu hồi do đối tượng vay vốn của Quỹ gặp phải những rủi ro khách quan, bất khả kháng nên không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ, giảm hoặc miễn lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc điều hành nghiệp vụ Quỹ. Thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời gian trả nợ ghi trong hợp đồng tín dụng. Việc khoan nợ và xóa nợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ.

### Điều 9. Hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay là các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 7 của Quy chế này có vay vốn của tổ chức tín dụng khác thì được xem xét hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ.

2. Phạm vi được hỗ trợ lãi suất vay:

Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất vay 01 (một) lần đối với số vốn vay đầu tư (không bao gồm các khoản nợ quá hạn) trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất:

a) Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho tổ chức tín dụng.

b) Dự án được cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường xác nhận thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc đã giải quyết được các vấn đề môi trường.

c) Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ.

4. Lãi suất hỗ trợ và nguồn hỗ trợ lãi suất:

a) Mức lãi suất hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất nhưng không vượt quá 50% lãi suất vay vốn theo hợp đồng tín dụng chủ đầu tư đã ký với các tổ chức tín dụng (chỉ tính trên lãi suất vay trong hạn, không tính trên lãi suất vay quá hạn), đồng thời không vượt quá mức lãi suất áp dụng cho vay của Quỹ tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

b) Xác định số tiền hỗ trợ:

Mức	hỗ	Vốn	gốc	Lãi	suất	hỗ	Thời
trợ	lãi	được	xét	trợ	được	x	gian
suất	=	duyệt	hỗ	duyệt	x		thực
		hỗ	trợ				vay
							tính
							theo
							năm
							đối
							với
							số
							nợ
							gốc
							được
							hỗ
							trợ
							lãi
							suất



c) Thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi suất: Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ lãi suất vay trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức quyết định của Giám đốc Quỹ sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

5. Tổng kinh phí hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ trong năm không vượt quá 20% vốn hoạt động bổ sung hàng năm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

6. Thời hạn hỗ trợ lãi suất:

Thời hạn hỗ trợ lãi suất được xác định căn cứ vào thỏa thuận vay vốn của Chủ đầu tư với tổ chức tín dụng cho vay, tối đa không quá 05 năm cho một dự án.

### **Điều 10. Tài trợ và đồng tài trợ**

1. Quỹ tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học như sau:

a) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường; phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng và khen thưởng.

b) Các dự án xử lý chất thải, cải thiện môi trường.

c) Nghiên cứu, xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường.

d) Đào tạo, chuyển giao công nghệ thân thiện môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường.

e) Các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đồng tài trợ tài chính cho các nghiệp vụ và hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Quy chế này và phù hợp với cam kết của phía tài trợ.

3. Quỹ được sử dụng tối đa 30% vốn bổ sung hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ.

4. Mức vốn tài trợ không hoàn lại tối đa không quá 50% tổng chi phí để thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường của dự án xin tài trợ.

Danh mục, mức tài trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường hàng năm do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định và phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC BỘ MÁY**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức**

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ban kiểm soát Quỹ.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

2. Quỹ được thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên ngành để giúp Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định, xác định các chương trình, dự án đề nghị hỗ trợ tài chính.

3. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Hội đồng tư vấn chuyên ngành hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

### **Điều 12. Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ: Thành viên gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ: Là một Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; các ủy viên là lãnh đạo từ các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh.

b) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh.

c) Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của nhà nước. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 5 (năm) năm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Quản lý Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch, định hướng hoạt động của Quỹ; phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

c) Kiểm tra, giám sát Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc thực hiện Quy chế của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ; xem xét báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ.

đ) Ban hành quy chế làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ, quy chế làm việc Ban Kiểm soát Quỹ, Quy chế làm việc của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, Quy định chế độ trả lương, phụ cấp trách nhiệm công việc đối với từng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Giám đốc Quỹ.



e) Quyết định phương án xử lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền quy định.

g) Quyết định cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, khoan nợ, xóa nợ, dẫn nợ đối với các dự án và các hoạt động nghiệp vụ khác theo thẩm quyền.

h) Phê duyệt danh mục, lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ; quy định cơ chế, phạm vi ưu đãi, hỗ trợ các sản phẩm và dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

i) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành.

k) Sử dụng bộ máy Cơ quan điều hành Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành các văn bản liên quan thì dùng con dấu của UBND tỉnh.

l) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan chuẩn bị nhân sự cho Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm theo quy định hiện hành.

m) Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Tài chính.

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định.

c) Ký, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Triệu tập, chủ trì và phân công Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung được ủy quyền.

e) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn



nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Cơ quan điều hành nghiệp Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

g) Ủy quyền hoặc phân công cho Giám đốc Quỹ quản lý các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

h) Chịu trách nhiệm về quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch UBND tỉnh.

#### 4. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân chịu trách nhiệm về lĩnh vực được phân công; họp định kỳ sáu (06) tháng một lần để xem xét và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc Giám đốc điều hành Quỹ hoặc Trưởng ban kiểm soát Quỹ, hoặc ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ trì cuộc họp.

c) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Nội dung và kết luận của các buổi họp của Hội đồng quản lý Quỹ đều phải ghi thành biên bản và phải được các thành viên hiện diện cùng ký tên. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các Nghị quyết kỳ họp gửi các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc điều hành Quỹ để triển khai thực hiện. Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết theo nguyên tắc đa số; nếu biểu quyết có số phiếu ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng.

d) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp ý kiến của thành viên khác với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch UBND tỉnh. Trong thời gian chưa có Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vẫn phải chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền có trách nhiệm gửi thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Giám đốc điều hành Quỹ. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và dự thảo quyết định, kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

e) Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.



g) Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả phụ cấp cho các thành viên của Hội đồng quản lý quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định hiện hành.

### **Điều 13. Ban Kiểm soát Quỹ**

1. Ban Kiểm soát Quỹ có không quá 03 người, gồm có Trưởng ban và một hoặc hai thành viên.

a) Trưởng ban do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường. Các thành viên của Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

b) Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của nhà nước. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát Quỹ tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban kiểm soát Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng Kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ và tổ chức thực hiện một cách độc lập.

b) Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ. Định kỳ hằng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ.

c) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, giải quyết các khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

d) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ yêu cầu.

3. Trưởng ban kiểm soát Quỹ hoặc các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ được Trưởng ban kiểm soát Quỹ ủy quyền tham dự và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trưởng ban kiểm soát Quỹ xây dựng Quy chế làm việc của Ban Kiểm soát Quỹ và trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

6. Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

### **Điều 14. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ**

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và bộ phận chuyên môn của Quỹ từ 2-3 nhân viên chuyên trách và một số hợp đồng khác khi có nhu cầu.



a) Giám đốc Quỹ là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm.

b) Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm.

c) Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, sau khi Quỹ đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo các điều kiện thì chuyển sang làm việc theo chế độ chuyên trách. Bộ phận giúp việc của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ: Là đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, điều hành hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo Quy chế, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định của pháp luật.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ bảo vệ môi trường trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, báo cáo UBND tỉnh và tổ chức thực hiện.

c) Báo cáo định kỳ về tình hình huy động vốn, hỗ trợ tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh.

d) Quyết định cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tài trợ và đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác theo các quy định tại quy chế này và phạm vi do Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền hoặc phân công.

đ) Đề xuất thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành, mời các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng thẩm định trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

e) Ban hành Quy chế làm việc của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, trình Hội đồng Quản lý phê duyệt các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

g) Đề xuất Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ về bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng; quyết định tuyển dụng và quản lý nhân sự của Quỹ theo thẩm quyền ủy quyền hoặc phân công.

h) Thực hiện các nhiệm vụ theo sự ủy quyền hoặc phân công của Hội đồng quản lý Quỹ và UBND tỉnh.

i) Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, có quyền thảo luận và nêu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

k) Bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

l) Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm của các tỉnh có Quỹ Bảo vệ môi trường hoạt động tốt.



m) Được thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động của Quỹ.

n) Khen thưởng, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong Quỹ theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

o) Đề xuất Hội đồng quản lý Quỹ kiến nghị UBND tỉnh cấp, bổ sung vốn điều lệ, vốn bổ sung hàng năm để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

p) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn khác của Quỹ theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

#### **Điều 15. Chế độ tài chính**

1. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, báo cáo về vốn và sử dụng vốn, kế hoạch thu chi tài chính (kèm theo thuyết minh chi tiết) báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ trước khi gửi cơ quan cấp trên và các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước, hạch toán độc lập, chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ.

3. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ tổng chi phí phát sinh trong năm.

4. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc điều hành Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ.

#### **Điều 16. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán của Quỹ thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

2. Chế độ kế toán của Quỹ thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhà nước hiện hành.

3. Quỹ có trách nhiệm thực hiện thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu phát sinh trong quá trình hoạt động; các nguồn tài chính, thu nhập và chi phí hoạt động được thực hiện thông qua tài khoản giao dịch của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại.

### **Điều 17. Chế độ kiểm toán**

1. Quỹ chịu sự kiểm toán, thanh tra của cơ quan kiểm toán, thanh tra nhà nước theo quy định; tổ chức kiểm toán nội bộ hoặc thuê kiểm toán độc lập nếu thấy cần thiết.

2. Kết quả kiểm toán, thanh tra phải được báo cáo kịp thời với Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan có liên quan.

### **Điều 18. Chế độ báo cáo tài chính và phê duyệt báo cáo tài chính**

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hiện hành.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính cho cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 3 của năm sau.

3. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ do cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ lập, phải có ý kiến của Ban Kiểm soát, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, báo cáo UBND tỉnh và gửi về Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt theo thẩm quyền.

4. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra tài chính của Ban kiểm soát Quỹ, Sở Tài chính và của các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành của pháp luật.

### **Điều 19. Trích lập các quỹ theo quy định**

1. Quỹ được trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ chênh lệch thu chi tài chính hàng năm của Quỹ. Mức trích lập cụ thể theo quy định hiện hành.

2. Mục đích sử dụng các Quỹ.

a) Quỹ bổ sung vốn điều lệ được dùng để tăng vốn điều lệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc theo kế hoạch được Hội đồng phê duyệt.

c) Quỹ bổ sung thu nhập được sử dụng để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau.

d) Quỹ khen thưởng được sử dụng để khen thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên, người lao động có thành tích trong công tác, học tập; thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiệp vụ mang lại hiệu quả; mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

Quỹ khen thưởng còn được dùng để thưởng cho các cá nhân, tập thể ngoài Quỹ có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ; mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

e) Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho người lao



động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác. Giám đốc Quỹ phối hợp với Công đoàn để quản lý, sử dụng quỹ này.

## Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 20. Điều khoản thi hành

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên do Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ để trình UBND tỉnh quyết định.

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Quỹ và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy chế này. / *TH*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Plc*  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

